

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **95**/2026/HSPT

Ngày: 10/03/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thanh Tú

+ Các Thẩm phán: Bà Chữ Phương Ngọc

Ông Đình Quốc Trí

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Từ Khánh Duy - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông Bùi Nguyên Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 933/2025/HSPT ngày 05/12/2025 do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Hữu L, Lê Mạnh Q, Đỗ L2, Nguyễn Công H, Nguyễn Thị L1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HSST ngày 28/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hà Nội.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Hữu L, (tên gọi khác: Không), sinh năm 1971 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn B xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Con ông: Đỗ Hữu B và bà Đỗ Thị G (đều đã chết); Gia đình có anh chị em, bị cáo là con thứ ; Có vợ là: Lưu Thị Hồng H1, sinh năm ; Bị cáo có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2011; D chỉ bản số: 509 lập ngày 30/12/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/3/2001 Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 500.000 đồng về hành vi Đánh bạc (Ngày 17/11/2001 L đã nộp tiền phạt); Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2007/HSST ngày 28/9/2007 Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án, phạt bổ sung 3.000.000 đồng, (Ngày 28/9/2017 L đã nộp 50.000 đồng tiền án phí; Ngày 14/9/2017 được xét miễn thi hành án khoản tiền phạt 3.000.000 đồng theo quyết định đình chỉ số 109 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 đến ngày 22/01/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Vắng mặt tại phiên toà.

2. Lê Mạnh Q (tên gọi khác: Không), sinh năm 1978 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn B xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Thanh C (đã chết) và con bà: bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1945; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 04; Có vợ là Nguyễn Thị D1, sinh năm 1987; Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020; D chỉ bản số 732 lập ngày 25/6/2025; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 646B/1996/HSST ngày 16/12/1996, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/12/1996 Q đã nộp 50.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm); Bản án hình sự sơ thẩm số 167/1997/HSST ngày 14/11/1997, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 646B/1996/HSST là 20 tháng tù (Ngày 18/12/1997 Q đã nộp 50.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, ngày 17/01/1999 chấp hành xong hình phạt tù); Ngày 15/3/2001 Công an phường B, quận H, thành phố Hà Nội xử phạt Cảnh cáo về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”; Ngày 05/8/2001 Công an phường B, quận H, thành phố Hà Nội xử phạt Cảnh cáo về hành vi “Mang xe máy của gia đình đi đặt”; Quyết định số 1068/QĐ-UB ngày 24/10/2001 UBND thành phố H ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, thời gian là 18 tháng; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ L2 (tên gọi khác: Đỗ Hữu L2), sinh năm 1993 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn C xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Đỗ Hữu B1, sinh năm 1968 và con bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1970; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 02; Có vợ là Đỗ Thị H3, sinh năm 1997; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; D chỉ bản số 731 lập ngày 25/6/2025; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2012/HSST ngày 28/8/2012, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” (Ngày 25/3/2013 L2 đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; ngày 26/4/2013 L2 chấp hành xong hình phạt tù); Ngày 06/9/2011 Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt Cảnh cáo về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 10/10/2011 Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”; Ngày 29/12/2012 UBND xã C, huyện T, thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã; Ngày 08/5/2012 Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt Cảnh cáo về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 16/7/2012 UBND Thành phố H ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi “Cố ý gây thương tích”, thời hạn 24 tháng, kể từ ngày bàn giao cho cơ sở là ngày 20/7/2012; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến ngày 26/01/2025

được thay đổi biện pháp ngăn chặn; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên toà.

4. Nguyễn Công H (tên gọi khác: Không), sinh năm 1993 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn C xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Công H4, sinh năm 1965 và con bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 02; Có vợ là: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023; D chỉ bản số 2451 lập ngày 17/7/2025; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HSST ngày 17/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (Ngày 18/9/2019 H đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; ngày 03/10/2019 H nộp 10.000.000 đồng và ngày 17/02/2020 nộp 20.000.000 đồng tiền phạt); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2025; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố H; Có mặt tại phiên toà.

5. Nguyễn Thị L1 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1978 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn A xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông Nguyễn Trung T1 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L3 (chết tháng 9/2025); Gia đình có 12 anh chị em, bị cáo là con thứ 09; D chỉ bản số 500 lập ngày 31/12/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2015 Công an xã C, huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc; Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2016/HSST ngày 07/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (Ngày 10/02/2017 L1 nộp 200.000 đồng tiền án phí; Ngày 25/5/2017 Luyến nộp 10.000.000 đồng tiền phạt); Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2017/HSST ngày 26/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc (Ngày 16/3/2018 L1 nộp 200.000 đồng tiền án phí, ngày 10/4/2018 chấp hành xong hình phạt tù); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 đến ngày 22/01/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên toà.

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Trung T2, sinh năm 1970, ĐKNKTT và chỗ ở: thôn B xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1980, ĐKNKTT và chỗ ở: thôn A xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Nguyễn Công K, sinh năm 1992, ĐKNKTT và chỗ ở: thôn D xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Nguyễn Thị L4, sinh năm 1975, ĐKNKTT và chỗ ở: TDP số 3 thị trấn P, huyện P (nay là xã P), thành phố Hà Nội; Đỗ Hữu T3, sinh năm 1974, ĐKNKTT và chỗ ở: thôn H, xã L, huyện P (nay là xã P), thành phố Hà Nội; Nguyễn Văn C1, sinh năm 1972, ĐKNKTT và chỗ ở: thôn C xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1977, ĐKNKTT và chỗ ở: thôn C xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Nguyễn Đức C2,

sinh năm 1992, ĐKNKTT và chỗ ở: thôn D xã C, huyện T (nay là xã T), thành phố Hà Nội không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/12/2024, Nguyễn Trung T2 gọi điện đặt vấn đề với Nguyễn Đức Đ là cho T2 và một số đối tượng đến nhà Đ đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa. Đại đồng ý. Sau đó T2 và Đ thỏa thuận sau khi T2 thu tiền hồ phé của các đối tượng đánh bạc rồi cho Đ bao nhiêu thì cho. Thẻ nhờ Đỗ Hữu L đến làm hồ lý (đếm và thanh toán tiền thắng thua với các đối tượng đánh bạc), Nguyễn Công K đến làm xóc cái và rủ một số người đến nhà Đại để đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, lần lượt các đối tượng Nguyễn Trung T2, Nguyễn Công K, Đỗ Hữu L, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn C1, Đỗ Hữu T3, Lê Mạnh Q, Nguyễn Đức C2, Đỗ L2, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn Q1 và Đỗ Mạnh T4, (sinh năm 1992, trú tại: thôn N, xã Q, thành phố Hà Nội), Nguyễn Công C3, (sinh năm 1996), Đỗ Khắc Đ1, (sinh năm 1985), Đỗ Đăng H5, (sinh năm 2001), (đều trú tại: thôn C, xã T, thành phố Hà Nội), Nguyễn Khắc Á, (sinh năm 1994), (trú tại: thôn D, xã T, thành phố Hà Nội) đến nhà Đ. Khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, khi mọi người đến đông đủ thì T2 rủ tất cả vào trong nhà Đại để đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Thẻ chuẩn bị 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, cắt 04 quân vị từ quân bài chắn và cùng mọi người ngồi xuống thăm vãi trong nhà Đ đã trải sẵn trước đó. Lúc này, Khai xóc cái cho các đối tượng Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn C1, Lê Mạnh Q, Đỗ L2, Nguyễn Đức C2, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn Q1 đánh bạc; Lùng làm hồ lý, Đ cảnh giới cho các đối tượng đánh bạc. Trước khi đánh bạc, Nguyễn Thị L4 hỏi vay tiền của Đỗ Hữu T3 để đánh bạc, biết L4 vay tiền để đánh bạc nhưng T3 vẫn đồng ý cho L4 vay 20.000.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Trung T2 không tham gia đánh bạc. Khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, Nguyễn Khắc S1, (sinh năm 1995, trú tại: thôn D, xã T, thành phố Hà Nội) đến nhà Đ nhưng chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc.

Hồi 23 giờ 45 phút cùng ngày, Công an huyện T, thành phố Hà Nội phối hợp với Công an xã T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc. Khi bắt quả tang có Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn C1 tham gia đánh bạc và ném toàn bộ số tiền xuống chiếu bạc; Nguyễn Đức Đ cảnh giới, Đỗ Hữu L hồ lý, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Công K, Đỗ Hữu T3 đều không có tiền. Quá trình bắt quả tang, Lê Mạnh Q, Đỗ L2, Nguyễn Đức C2, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn Q1 ném toàn bộ tiền xuống chiếu bạc và một số đối tượng bỏ chạy thoát. Nguyễn Văn C1 bỏ chạy nhưng bị bắt.

Vật chứng thu giữ: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 thăm vãi màu hồng, 04 quân vị được cắt từ quân bài chắn, số tiền 110.600.000 (Một trăm mười triệu sáu trăm nghìn) đồng. Trong đó, thu trên chiếu, xung quanh chiếu bạc là 108.600.000 (Một trăm linh tám triệu sáu trăm nghìn) đồng, kiểm tra người Chiến thu giữ số tiền 2.000.000 đồng, kiểm tra người các đối tượng còn lại không thu giữ gì.

Đối với Đỗ Mạnh T4, Nguyễn Công C3, Đỗ Khắc Đ1, Đỗ Đăng H5, Nguyễn Khắc Á, Nguyễn Khắc S1 chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc và chỉ Nguyễn Thị G1 (vợ Đ) ngủ trên gác, không tham gia đánh bạc nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra xác định: 09 đối tượng đã sử dụng tổng số tiền là 52.700.000 (Năm mươi hai triệu bảy trăm nghìn) đồng vào mục đích đánh bạc, khi bỏ chạy các đối tượng đánh bạc đã ném toàn bộ số tiền trên xuống chiếu bạc. Cụ thể số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau: Nguyễn Thị L4 vay của Đỗ Hữu T3 20.000.000 đồng, Lê Mạnh Q 10.000.000 đồng, Đỗ L2 8.000.000 đồng, Nguyễn Công H 5.000.000 đồng, Nguyễn Đức C2 4.000.000 đồng, Nguyễn Thị L1 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn C1 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn Q1 700.000 đồng, chưa ai phải nộp tiền hồ phé cho T2. Các đối tượng đánh bạc và đối tượng liên quan khai nhận, còn có khoảng 01- 02 đối tượng nữa cũng tham gia đánh bạc nhưng không ai biết tên, tuổi, địa chỉ của các đối tượng này, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ những người này.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HSST ngày 28/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo: Nguyễn Trung T2, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Công K, Đỗ Hữu L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo: Nguyễn Thị L4, Đỗ Hữu T3, Lê Mạnh Q, Đỗ L2, Nguyễn Công H, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Đức C2 phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Hữu L 15** (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 đến ngày 22/01/2025.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt: Bị cáo **Lê Mạnh Q 36** (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 đến ngày 22/01/2025.

- Xử phạt: Bị cáo **Đỗ L2 36** (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến ngày 26/01/2025.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Công H 36** (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 17/7/2025.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị L1 36** (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 đến ngày 22/01/2025.

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyết định khác đối với bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, các bị cáo Đỗ Hữu L, Lê Mạnh Q, Nguyễn Công H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn Thị L1, Đỗ L2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Hữu L xin rút đơn kháng cáo; các bị cáo Lê Mạnh Q, Nguyễn Công H, Đỗ Luận G2 nguyên nội dung kháng cáo; Bị cáo Nguyễn Thị L1 rút một phần nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: Kháng cáo của các bị cáo là đúng về chủ thể và còn trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Hữu L tội Tổ chức đánh bạc; các bị cáo Lê Mạnh Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Thị L1, Đỗ L2 về tội Đánh bạc là có căn cứ và đúng pháp luật. Bị cáo L đã rút đơn kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo. Đối với các bị cáo kháng cáo còn lại xét thấy tại phiên tòa, các bị cáo không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ mới để xem xét yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, phạm tội có tính chất nghiêm trọng. Xét mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q, L1, L2, H và cho hưởng án treo đối với bị cáo L2.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đỗ Hữu L.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Giữ nguyên mức hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HSST ngày 28/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 đối với các bị cáo nhưng sửa phần quyết định về việc trừ thời gian tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo Lê Mạnh Q. Cụ thể:

Tuyên bố: Lê Mạnh Q, Đỗ L2, Nguyễn Công H, Nguyễn Thị L1, phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt: Bị cáo Lê Mạnh Q 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ L2 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến ngày 26/01/2025.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công H 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 17/7/2025.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L1 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 đến ngày 22/01/2025.

Kiến nghị rút kinh nghiệm cấp sơ thẩm các nội dung sau:

13 bị cáo mang 52.700.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc là 110.600.000 đồng. Các bị cáo khai nhận còn 01-02 đối tượng nữa cùng tham gia đánh bạc nhưng bỏ chạy. Vì vậy, xác định số tiền truy cứu trách nhiệm hình sự của các bị cáo là 110.600.000 đồng. Cáo trạng truy tố các bị cáo đánh bạc với số tiền 52.700.000 đồng là chưa chính xác, phần quyết định truy tố không áp dụng điểm nào của Điều luật là thiếu sót.

Bị cáo Nguyễn Đức Đ cho bị cáo Nguyễn Trung T2 mượn nhà để tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc. Bị cáo Đại đồng Ý nhận hồ phế, canh gác cho T2 tổ chức đánh bạc. Hành vi của bị cáo Đại đồng P về tội “Tổ chức đánh bạc” với vai trò giúp sức. Ngoài ra, bị cáo Đ đã sử dụng nhà cho hơn 10 người đánh bạc cùng một lúc và số tiền đánh bạc 110.600.000 đồng. Do vậy, bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác.

Đối với phần Quyết định của bản án, bị cáo Lê Mạnh Q bị tuyên 36 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 đến ngày 22/01/2025 là chưa chính xác vì Q không bị giam giữ ngày nào.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị của Viện kiểm sát có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn và đúng về chủ thể kháng cáo nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo thừa nhận thực hiện các hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 20/12/2024, Nguyễn Đức Đại đồng Ý cho Nguyễn Trung T2 gọi các đối tượng đến đánh bạc tại nhà của Đ ở thôn A, xã C, huyện T (N là xã T), thành phố Hà Nội. Sau đó T2 nhờ Đỗ Hữu L đến làm hồ lý, Nguyễn Công K đến xóc cái, Đ là người canh giới; đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Trung T2,

Nguyễn Công K, Đỗ Hữu L, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn C1, Đỗ Hữu T3, Lê Mạnh Q, Nguyễn Đức C2, Đỗ L2, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn Q1 và một số người khác không rõ tên, tuổi đến nhà ở của Đại để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, khi mọi người đến đông đủ thì T2 rủ tất cả vào trong nhà Đại để đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì Công an huyện T (nay là Phòng C4 Công an Thành phố H) phát hiện bắt quả tang. Khi bắt quả tang có một số đối tượng bỏ chạy thoát.

Quá trình điều tra xác định các bị cáo đã sử dụng số tiền là 52.700.000 (Năm mươi hai triệu bảy trăm nghìn) đồng để đánh bạc, cụ thể: Nguyễn Thị L4 vay của Đỗ Hữu T3 20.000.000 đồng, Lê Mạnh Q sử dụng 10.000.000 đồng, Đỗ L2 sử dụng 8.000.000 đồng, Nguyễn Công H sử dụng 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị L1 sử dụng 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn C1 sử dụng 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn Q1 sử dụng 700.000 đồng, Nguyễn Đức C2 sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc.

Đỗ Hữu T3 không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng T3 cho L4 vay 20 triệu đồng để đánh bạc. T3 biết L4 vay tiền để đánh bạc nhưng T3 vẫn cho vay. Vì vậy, T3 đồng phạm với vai trò giúp sức cho L4 về tội Đánh bạc.

Tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc và trong người của các bị cáo là 110.600.000 (Một trăm mười triệu sáu trăm nghìn) đồng, trong đó có 52.700.000 đồng nêu trên. Các bị cáo và đối tượng liên quan khai nhận, còn khoảng 1- 2 đối tượng nữa cũng tham gia đánh bạc nhưng không ai biết tên, tuổi, địa chỉ của các đối tượng này. Vì vậy, xác định số tiền truy cứu trách nhiệm hình sự của các bị cáo là 110.600.000 đồng (tiền trên chiếu bạc và tiền trong người các bị cáo để sử dụng vào mục đích đánh bạc).

Nguyễn Trung T2 mượn nhà của Nguyễn Đức Đại Đ2 cho mọi người đánh bạc. Thờ nhờ Đỗ Hữu L đến làm hồ lý, Nguyễn Công K đến xóc cái, Nguyễn Đức Đ là người canh giới. Thẻ chuẩn bị bát, đĩa sứ, quân xóc. Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc hơn 50.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Trung T2 đã phạm vào tội Tổ chức đánh bạc, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Công K, Đỗ Hữu L với vai trò giúp sức cho T2, đã đồng phạm với T2 về tội Tổ chức đánh bạc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Đ còn là chủ nhà, cho các đối tượng vào đánh bạc, hành vi của Đ còn thuộc trường hợp tình tiết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo: Nguyễn Thị L4, Đỗ Hữu T3, Lê Mạnh Q, Đỗ L2, Nguyễn Công H, Nguyễn Đức C2, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Q1 sử dụng số tiền 52.700.000 đồng để đánh bạc, đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Toà án nhân dân khu vực 10 - thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Trung T2, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Công K, Đỗ Hữu L, Nguyễn Thị L4, Đỗ Hữu T3, Lê Mạnh Q, Đỗ L2, Nguyễn Công H, Nguyễn Đức C2, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Q1 về tội danh và viện dẫn điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Riêng đối với bị cáo

Nguyễn Đức Đ hành vi còn cấu thành thêm điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Hữu L, Lê Mạnh Q, Đỗ L2, Nguyễn Công H, Nguyễn Thị L1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Lê Mạnh Q, Đỗ L2 khi Công an bắt quả tang đã bỏ trốn, đến ngày 12/6/2025 và ngày 01/8/2025 Q và L2 đến Công an thành phố H đầu thú. Bị cáo Q có bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Bị cáo Nguyễn Thị L1 có ông nội là liệt sỹ, hy sinh trong kháng chiến chống Pháp, là người có công với cách mạng. Các bị cáo Lê Mạnh Q, Đỗ L2, Nguyễn Thị L1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng và đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Xét thấy hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các bị cáo đã tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, có nhiều tiền án, tiền sự mặc dù đã được xoá nhưng các bị cáo đều không chịu tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục phạm tội nên cần giữ nguyên mức hình phạt tù giam đối với các bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo ở mức nghiêm khắc.

Về nội dung kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ. Kiến nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm việc xác định tình tiết phạm tội đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ. Đối với nội dung tuyên trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo Lê Mạnh Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy bị cáo Q không bị tạm giữ, tạm giam nên việc trừ thời gian này của Tòa án cấp sơ thẩm là không chính xác, cần sửa phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Q.

[3] Về án phí: Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nhưng bản án sửa phần quyết định đối với bị cáo Lê Mạnh Q nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm b, đ khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HSST ngày 28/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hà Nội, cụ thể:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đỗ Hữu L. Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HSPT ngày 28/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm đối với bị cáo L.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt: Bị cáo Lê Mạnh Q 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ L2 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến ngày 26/01/2025.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công H 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam 17/7/2025.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L1 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2024 đến ngày 22/01/2025.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA, VKSND, THADS, TAND khu vực 10, TP Hà Nội.
- VKSND TP Hà Nội;
- Các Bị cáo;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

